

THT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 666 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2025

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Cấp: C
	Ngày: 27/3/2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2b)₉₃

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Thành Long



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng
và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Quyết định số 666/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Quyết định số 1573/QĐ-TTg); xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện các đề án, dự án xây dựng, phát triển trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) đồng bộ, chuyên nghiệp, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý hoạt động, giảng dạy, học tập môn học GDQP&AN hướng tới quản trị trên nền tảng công nghệ số, đáp ứng các mục tiêu của Quy hoạch hệ thống trung tâm GDQP&AN phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

- Xác định các danh mục dự án, đề án, nguồn lực thực hiện theo từng giai đoạn từ nay đến năm 2030; gắn với trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện quy hoạch, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1573/QĐ-TTg.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương với Bộ Quốc phòng (Cơ quan lập quy hoạch hệ thống trung tâm GDQP&AN) thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả trong xây dựng, phát triển hệ thống trung tâm GDQP&AN đến năm 2030, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện môn học giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống trung tâm GDQP&AN phải bám sát mục tiêu, định hướng và cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1573/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Xác định cụ thể danh mục, tiến độ hoàn thiện chính sách, pháp luật và đề án ứng dụng khoa học công nghệ, dự án xây dựng các trung tâm GDQP&AN; ưu tiên xây dựng các trung tâm GDQP&AN tại các vùng kinh tế - xã hội tập trung nhiều cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các vùng trọng điểm về quốc phòng, an ninh trong thời kỳ quy hoạch đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu môn học GDQP&AN; bảo đảm phù hợp với bối cảnh, nguồn lực quốc gia.

- Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của hệ thống chính trị để xây dựng hệ thống trung tâm GDQP&AN trong thời kỳ quy hoạch.

- Bảo đảm tính tuân thủ, kế thừa và đồng bộ với các quy hoạch ngành khác, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia và tính liên kết, thống nhất trong thực hiện.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH HỆ THỐNG TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về quy hoạch

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung quy hoạch, cung cấp thông tin về Quy hoạch hệ thống trung tâm GDQP&AN đến các tổ chức, cá nhân có liên quan để tham gia giám sát tổ chức triển khai thực hiện xây dựng, phát triển hệ thống trung tâm GDQP&AN theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Cung cấp dữ liệu quy hoạch phục vụ xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch, làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương tích hợp vào các quy hoạch có liên quan; triển khai thực hiện lưu trữ hồ sơ quy hoạch theo quy định.

- Báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch hệ thống trung tâm GDQP&AN định kỳ hằng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Các trường cao đẳng, trường đại học, đại học vùng, đại học quốc gia được quy hoạch trung tâm tại Quyết định số 1573/QĐ-TTg, tổ chức lập, phê duyệt đề án xây dựng, phát triển trung tâm GDQP&AN thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm các yêu cầu của pháp luật về đầu tư công, các quy định pháp luật liên quan khác, thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch liên quan, làm cơ sở để thực hiện quy hoạch (Chi tiết tại Phụ lục II).

2. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các cơ chế, chính sách, pháp luật

Rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về GDQP&AN cho phù hợp với thực tiễn và đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành (Chi tiết tại Phụ lục I).

3. Dự án đầu tư công

- Các nhiệm vụ, đề án, chương trình liên quan đến quy hoạch và dự án xây dựng trung tâm GDQP&AN được bố trí sử dụng ngân sách nhà nước (Ngân sách trung ương, nguồn ngân sách của các bộ, ngành, địa phương chủ quản, nhà trường và các nguồn ngân sách hợp pháp khác); bảo đảm tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác hiện hành (Chi tiết tại Phụ lục V).

- Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư của các trung tâm GDQP&AN phải phù hợp với quy hoạch hệ thống trung tâm GDQP&AN và quy hoạch khác; bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Dự kiến nhu cầu (kế hoạch) sử dụng đất

Tổng nhu cầu sử dụng đất xây dựng, phát triển hệ thống trung tâm GDQP&AN được xác định theo quy hoạch phù hợp với Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất quy hoạch trung tâm GDQP&AN giai đoạn 2021 - 2030, khoảng: 621,049 ha (Chi tiết tại Phụ lục IV).

5. Dự án ưu tiên

Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các trung tâm GDQP&AN được xác định tại mục V Điều 1 Quyết định số 1573/QĐ-TTg, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập môn học GDQP&AN (Chi tiết tại Phụ lục III).

6. Xác định các nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh đến năm 2030

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, đề án, chương trình liên quan đến quy hoạch và dự án xây dựng trung tâm GDQP&AN được bố trí trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước của các bộ, ngành, địa phương liên quan theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành (Danh mục nguồn vốn cho xây dựng trung tâm GDQP&AN trong kỳ quy hoạch), bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bảo đảm thời hạn, tiến độ và sử dụng tiết kiệm hiệu quả.

- Các bộ, ngành, địa phương chủ quản, các trường cao đẳng, trường đại học, đại học vùng, đại học quốc gia chủ động bố trí, lồng ghép các nhiệm vụ và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

- Các danh mục dự án đầu tư xây dựng và phát triển các trung tâm GDQP&AN và tổng nhu cầu vốn đầu tư (Chi tiết tại Phụ lục V).

7. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Các giải pháp thực hiện quy hoạch được thực hiện theo nội dung tại mục VI Điều 1 Quyết định số 1573/QĐ-TTg.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Quốc phòng

- Tổ chức cung cấp thông tin, lưu trữ hồ sơ quy hoạch theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan báo cáo, đánh giá việc thực hiện quy hoạch định kỳ hằng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền; báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp cần thiết để giải quyết các vướng mắc bất cập và phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo môn học GDQP&AN, tình hình thực tế; đưa ra khỏi quy hoạch đối với các trung tâm chưa bảo đảm yêu cầu về cơ cấu tổ chức, cán bộ, giảng viên, chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật theo các quy định.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến công tác GDQP&AN trong các nhà trường; xây dựng đề án miễn học phí môn học GDQP&AN cho học sinh, sinh viên.
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn trong kế hoạch trung hạn và hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án liên quan thuộc quy hoạch và dự án xây dựng các trung tâm GDQP&AN các nhà trường Quân đội.
- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan quản lý, triển khai, giám sát Kế hoạch thực hiện Quy hoạch trung tâm GDQP&AN của Thủ tướng Chính phủ.
- Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nội dung có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn trong kế hoạch trung hạn và hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án liên quan thuộc quy hoạch và dự án xây dựng các trung tâm GDQP&AN tại các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý theo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch trung tâm GDQP&AN được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương liên quan hoàn thiện các Thông tư, văn bản hướng dẫn thực hiện môn học GDQP&AN cho học sinh, sinh viên; bảo đảm đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật về GDQP&AN.

- Phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành, địa phương liên quan báo cáo, đánh giá việc thực hiện quy hoạch phát triển trung tâm GDQP&AN trường đại học thuộc quyền, định kỳ hằng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, địa phương có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí các nguồn vốn cho dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước cho xây dựng trung tâm GDQP&AN theo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch trung tâm GDQP&AN được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Bộ Công an

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan quy định chương trình, ban hành giáo trình, tài liệu môn học GDQP&AN cho học sinh, sinh viên sát với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

5. Các bộ, ngành, địa phương chủ quản của trung tâm

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí vốn trong kế hoạch trung hạn và hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án liên quan thuộc quy hoạch và dự án xây dựng trung tâm GDQP&AN tại các cơ sở giáo dục đại học thuộc quyền quản lý.

- Phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành, địa phương liên quan báo cáo, đánh giá việc thực hiện quy hoạch phát triển trung tâm GDQP&AN trường đại học thuộc quyền, định kỳ hằng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành, địa phương chủ quản của trung tâm GDQP&AN hỗ trợ nguồn lực, đề xuất các cơ chế chính sách để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và địa phương.

7. Các nhà trường được quy hoạch xây dựng trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh

- Lập đề án xây dựng, phát triển trung tâm GDQP&AN của trường thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch liên quan và các quy định của pháp luật.

- Lập nhu cầu vốn đầu tư công trung hạn bảo đảm cho xây dựng trung tâm GDQP&AN giai đoạn 2026 - 2030 báo cáo bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chủ quản, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và triển khai thực hiện theo đúng tiến độ được phê duyệt.

- Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền báo cáo, đánh giá việc thực hiện quy hoạch phát triển trung tâm GDQP&AN về Bộ Quốc phòng, bộ, ngành, địa phương chủ quản để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.



Phụ lục I

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Bảo đảm thực hiện
I	Các văn bản quy phạm pháp luật					
1	Tổng kết 15 năm thực hiện Luật GDQP&AN; rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về GDQP&AN cho phù hợp với thực tiễn và đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành.	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ban, ngành, địa phương	Luật, văn bản quy phạm pháp luật	2026 - 2028	Kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng
2	Quy định điều kiện thành lập, tổ chức, hoạt động của các trung tâm GDQP&AN.	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ban, ngành, địa phương	Văn bản quy phạm pháp luật	2025 - 2026	Kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng
3	Quy định tiêu chuẩn phòng học chuyên dùng, thao trường huấn luyện (chiến thuật, bắn súng, ném lựu đạn, khu tập điều lệnh đội ngũ, khu sinh hoạt tập trung) và bố trí hệ thống biển, bảng, dây giá trong trung tâm GDQP&AN.	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ban, ngành, địa phương	Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo quy định	2026 - 2028	Kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng

TT	Tên văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Bảo đảm thực hiện
4	Quy định biểu biên chế, tiêu chuẩn, định mức giảng viên GDQP&AN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ban, ngành, địa phương liên quan	Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo quy định	2026 - 2028	Kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo
5	Quy định chương trình, ban hành giáo trình, tài liệu môn học GDQP&AN cho sinh viên.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ban, ngành, địa phương liên quan	Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính theo quy định	2026 - 2028	Kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước giao Bộ Giáo dục và Đào tạo
II	Các đề án, chương trình					
1	Đề án đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP&AN	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ban, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2025 - 2026	Kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước giao Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy môn học GDQP&AN	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ban, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2030	Vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước
3	Đề án miễn học phí cho học sinh, sinh viên học tập môn học GDQP&AN	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ban, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2025 - 2030	Kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước của Bộ Quốc phòng



Phụ lục II

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC LẬP ĐỀ ÁN XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÁC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG
VÀ AN NINH THỜI KỲ 2021 - 2030**

*(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 666/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên đề án	Thời gian hoàn thành dự kiến
I	Vùng trung du miền núi phía Bắc	
1	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân khu 1 thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
2	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Đại học Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
3	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
4	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Hùng Vương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
5	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Cao đẳng công nghiệp Quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
6	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Tây Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
7	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Cao đẳng Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
II	Vùng đồng bằng sông Hồng	
1	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân khu 2 thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
2	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
3	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân khu 3 thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
4	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025

TT	Tên đề án	Thời gian hoàn thành dự kiến
5	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Đại học Quốc gia Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
6	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
7	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
8	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
9	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Thủy Lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
10	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
11	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
12	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Kinh tế - kỹ thuật Công nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
13	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Lao động Xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
14	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Công đoàn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
III	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	
1	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân khu 4 thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
2	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Sĩ quan Thông tin thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
3	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Nha Trang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
4	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân đoàn 34 (cơ sở 1) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025

TT	Tên đề án	Thời gian hoàn thành dự kiến
5	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Quy Nhơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
6	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân khu 5 thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
7	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
8	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Đại học Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
9	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
10	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Hồng Đức thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
11	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Phạm Văn Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
IV	Vùng Tây Nguyên	
1	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
2	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Đà Lạt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
V	Vùng Đông Nam Bộ	
1	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân khu 7 thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
2	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân đoàn 34 (cơ sở 2) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
3	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
4	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025

TT	Tên đề án	Thời gian hoàn thành dự kiến
5	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
6	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Tôn Đức Thắng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
7	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa Vũng Tàu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
8	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Thủ Dầu Một thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
VI	Vùng đồng bằng sông Cửu Long	
1	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Quân sự Quân khu 9 thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
2	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
3	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025
4	Đề án phát triển Trung tâm GDQP&AN - Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2025



Phụ lục III

ĐANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 666/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

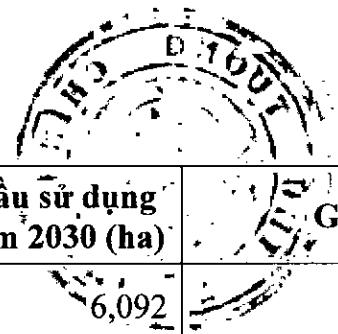
TT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Ưu tiên và phân kỳ thực hiện	
		2024 - 2025	2026 - 2030
	TỔNG SỐ	0	4.822,4
I	Đầu tư cơ sở hạ tầng các trung tâm GDQP&AN	0	4.315,3
1	Trường Đại học Hùng Vương	0	464,262
2	Trường Cao đẳng Lào Cai	0	170
3	Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	0	30
4	Trường Đại học Thủy Lợi	0	218,04
5	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	0	221,6
6	Trường Đại học Lao động Xã hội	0	165,7
7	Trường Đại học Công Đoàn	0	393,2
8	Trường Quân sự Quân khu 5	0	331,26
9	Đại học Huế	0	141,1
10	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	0	146,6
11	Trường Đại học Đà Lạt	0	169,9
12	Trường Quân sự Quân khu 7	0	277,4
13	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0	559,2
14	Trường Đại học Thủ Dầu Một	0	468,6
15	Trường Đại học Trà Vinh	0	363,2
16	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	0	195,2
II	Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin	0	507,1
1	Đề án Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập môn học GDQP&AN	0	507,1



Phụ lục IV
DỰ KIẾN NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Trung tâm GDQP&AN	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất năm 2030 (ha)	Ghi chú
	Tổng		621,049	
I	Vùng trung du miền núi phía Bắc		84,384	
1	Trường Quân sự Quân khu 1	Thái Nguyên	5,000	
2	Đại học Thái Nguyên	Thái Nguyên	15,533	
3	Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự	Bắc Giang	6,565	
4	Trường Đại học Hùng Vương	Phú Thọ	5,000	
5	Trường Cao đẳng Công nghiệp Quốc Phòng	Phú Thọ	39,679	
6	Trường Đại học Tây Bắc	Sơn La	7,007	
7	Trường Cao đẳng Lào Cai	Lào Cai	5,600	
II	Vùng đồng bằng sông Hồng		234,671	
1	Trường Quân sự Quân khu 2	Vĩnh Phúc	5,928	



STT	Trung tâm GDQP&AN	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất năm 2030 (ha)	Ghi chú
2	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Vĩnh Phúc	6,092	
3	Trường Quân sự Quân khu 3	Hải Dương	46,904	
4	Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	Hà Nội	15,000	
5	Đại học Quốc gia Hà Nội	Hà Nội	19,000	
6	Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	Hà Nội	5,000	
7	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Bắc Ninh	5,000	
8	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Hà Nam	9,064	
9	Trường Đại học Thủy Lợi	Hung Yên	57,000	
10	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	Hải Phòng	9,000	
11	Trường Đại học Hải Phòng	Hải Phòng	3,500	
12	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp	Nam Định	19,360	Hiện bố trí 7,5 ha xây dựng trung tâm GDQP&AN.
13	Trường Đại học Lao động Xã hội	Sơn Tây	6,824	
14	Trường Đại học Công Đoàn	Hung Yên	27,000	Hiện bố trí 6 ha xây dựng trung tâm GDQP&AN.

STT	Trung tâm GDQP&AN	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất năm 2030 (ha)	Ghi chú
III	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung		148,200	
1	Trường Quân sự Quân khu 4	Nghệ An	17,824	
2	Trường Sĩ quan Thông Tin	Khánh Hòa	50,100	Hiện bố trí 20 ha xây dựng trung tâm GDQP&AN.
3	Trường Đại học Nha Trang	Khánh Hòa	7,100	
4	Trường Quân sự Quân đoàn 34 (Cơ sở 1)	Bình Định	10,000	
5	Trường Đại học Quy Nhơn	Bình Định	6,020	
6	Trường Quân sự Quân khu 5	Đà Nẵng	11,559	
7	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng	Đà Nẵng	18,000	Hiện bố trí 8 ha xây dựng trung tâm GDQP&AN.
8	Đại học Huế	Thừa Thiên Huế	4,897	
9	Trường Đại học Vinh	Nghệ An	9,000	
10	Trường Đại học Hồng Đức	Thanh Hóa	8,500	
11	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Quảng Ngãi	5,200	
IV	Vùng Tây Nguyên		18,100	
1	Trường Đại học Tây Nguyên	Đắk Lắk	4,200	

STT	Trung tâm GDQP&AN	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất năm 2030 (ha)	Ghi chú
2	Trường Đại học Đà Lạt	Đà Lạt	13,900	Hiện bố trí 5 ha xây dựng trung tâm GDQP&AN.
V	Vùng Đông Nam Bộ		101,355	
1	Trường Quân sự Quân khu 7	Hồ Chí Minh	8,000	
2	Trường Quân sự Quân đoàn 34 (Cơ sở 2)	Bình Dương	49,564	Hiện bố trí 5 ha xây dựng trung tâm GDQP&AN.
3	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Bình Dương	17,530	
4	Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	10,000	
5	Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	6,020	
6	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Thành phố Hồ Chí Minh	3,216	
7	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu	3,000	Dự kiến bổ sung thêm 2 ha từ quỹ đất đã được cấp quyền sử dụng đất của nhà trường.
8	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Bình Dương	4,026	Dự kiến bổ sung thêm 5,3 ha từ quỹ đất đã được cấp quyền sử dụng đất của nhà trường.

STT	Trung tâm GDQP&AN	Địa điểm	Nhu cầu sử dụng đất năm 2030 (ha)	Ghi chú
VI	Vùng đồng bằng sông Cửu Long		34,339	
1	Trường Quân sự Quân khu 9	Sóc Trăng	10,005	
2	Trường Đại học Cần Thơ	Hậu Giang	14,111	
3	Trường Đại học Trà Vinh	Trà Vinh	5,224	
4	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Cần Thơ	5,000	



Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ HỆ THỐNG TRUNG TÂM GDQP&AN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Trung tâm	Danh mục đầu tư	Ước tính chi phí đầu tư theo quy hoạch (tỷ đồng)		Dự kiến nguồn vốn
			Tổng	Giá trị ước tính	
	TỔNG		10.797,0		
A	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG		10.289,9		
I	Vùng trung du miền núi phía Bắc		1.439,94		
1	Trường Quân sự Quân khu 1	- Cải tạo 03 tòa nhà ký túc xá	154,15	154,15	NSNN
		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn			
		- Xây dựng mới ký túc xá (500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới giảng đường			
		- Xây dựng mới nhà ăn (500 chỗ ngồi)			
		- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm			
		- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi)			
		- Các công trình phụ trợ, công trình hạ tầng kỹ thuật			
		- Xây dựng mới thao trường (kỹ thuật, chiến thuật)			

2	Đại học Thái Nguyên	- Cải tạo, sửa chữa nhà điều hành trung tâm	163,25	143,7	NSNN
		- Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa giảng đường (giảng đường A)			
		- Sửa chữa, cải tạo hội trường			
		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn sinh viên			
		- Sửa chữa, cải tạo ký túc xá (6 nhà, mỗi nhà 3 tầng)			
		- Xây dựng mới giảng đường			
		- Xây dựng mới ký túc xá (1 ký túc xá 3 tầng)			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ, giảng viên, sĩ quan biệt phái (3 tầng, mỗi tầng 5 phòng)			
		- Các công trình phụ trợ			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật (đường, chiếu sáng, cây xanh, ...)			
- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thao trường huấn luyện	19,55	Bộ chủ quản/ Nhà trường			
3	Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự	- Cải tạo, nâng cấp ký túc xá 1,2,3	103,38	88,70	NSNN
		- Cải tạo nhà ăn 2 tầng			
		- Cải tạo nhà đa năng			
		- Cải tạo nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Xây dựng thao trường kỹ thuật, chiến thuật			
		- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
- Sửa chữa, nâng cấp giảng đường	14,68	NSĐP/ Nhà trường			

4	Trường Đại học Hùng Vương	- Xây dựng mới các khối nhà ký túc xá (03 khối nhà)	464,262	394,622	NSNN
		- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm			
		- Xây dựng mới khối nhà học tập			
		- Xây dựng mới nhà hội trường		69,64	NSDP/ Nhà trường
		- Xây dựng mới khối nhà ăn			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật			
		- Sân tập trung tổ chức các hoạt động			
		- Khu thao trường chiến thuật, kỹ thuật			
		- Các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị			
5	Trường Cao đẳng công nghiệp Quốc Phòng	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm (S23)	254	254	NSNN
		- Xây dựng mới ký túc xá (S23, S24)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (S25)			
		- Xây dựng mới giảng đường (H3)			
		- Thao trường, bãi tập			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
6	Trường Đại học Tây Bắc	- Xây dựng mới ký túc xá (quy mô 500 chỗ ở)	130,9	115,9	NSNN
		- Xây dựng mới nhà điều hành kết hợp giảng đường			

		- Xây dựng mới nhà ăn (quy mô 500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Xây dựng mới hội trường (quy mô 500 chỗ ở)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật		15	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Xây dựng mới thao trường huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật			
7	Trường Cao đẳng Lào Cai	- Xây dựng mới nhà điều hành, giảng đường	170	130	NSNN
		- Xây dựng mới ký túc xá			
		- Xây dựng mới nhà ăn			
		- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi)			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật (sân đường, chiếu sáng,)			
		- Xây dựng thao trường kỹ thuật, chiến thuật			
		- Các công trình phụ trợ	40	NSDP/ Nhà trường	
II	Vùng đồng bằng sông Hồng		2.864,91		
1	Trường Quân sự Quân khu 2	- Cải tạo, nâng cấp ký túc xá (N1; N2)	98,9	98,9	NSNN
		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn (S1)			
		- Cải tạo, nâng cấp 01 nhà tập bắn			
		- Cải tạo, nâng cấp thao trường huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật			

		- Xây dựng mới khu giảng đường			
		- Xây dựng mới nhà hội trường			
		- Xây dựng mới nhà ký túc xá (N3; N4)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (S2)			
		- Các công trình phụ trợ			
2	Trường Đại học Su phạm Hà Nội 2	- Cải tạo ký túc xá sinh viên (Số 1, 2, 3)	241,6	210,1	NSNN
		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn sinh viên			
		- Cải tạo nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm			
		- Xây dựng mới khu giảng đường, hội trường			
		- Xây dựng mới ký túc xá			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật			
		- Các công trình phụ trợ			
		- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng thao trường, bãi tập		31,5	Bộ chủ quản/Nhà trường
3	Trường Quân sự Quân khu 3	- Cải tạo nhà điều hành, giảng đường	170,2	170,2	NSNN
		- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi)			
		- Cải tạo ký túc xá số 01 (300 chỗ ở)			

		- Xây dựng mới ký túc xá số 02 (600 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới ký túc xá số 03 (600 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn sinh viên (900 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn sinh viên (600 chỗ ở)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
4	Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	- Sửa chữa giảng đường	150	30	NSNN
		- Cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống sân bãi, thao trường, bãi tập			
		- Sửa chữa ký túc xá			
		- Sửa chữa nhà ăn			
		- Xây dựng mới kho quân trang, quân dụng			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm kết hợp giảng đường			
		- Xây dựng mới ký túc xá		120	NSĐP
		- Xây dựng mới nhà ăn sinh viên			
5	Đại học Quốc gia Hà Nội	- Xây dựng mới 01 tòa giảng đường	214,8	164,6	NSNN
		- Thao trường huấn luyện			

		- Xây dựng mới 02 tòa ký túc xá 3 tầng			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Xây dựng mới nhà ăn sinh viên			
		- Sửa chữa nhà D2, D5		50,2	
		- Sửa chữa giảng đường			
6	Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	- Cải tạo giảng đường (12 phòng)	207	170	NSNN
		- Cải tạo, nâng cấp nhà điều hành trung tâm			
		- Đầu tư xây dựng thao trường, bãi tập			
		- Cải tạo nhà ăn			
		- Cải tạo ký túc xá (5 tòa)			
		- Xây dựng mới ký túc xá (500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (500 chỗ ngồi)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Cải tạo giảng đường			
		- Cải tạo nhà đa năng		37	Bộ chủ quản/ Nhà trường
7	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm	184,4	156,4	NSNN
		- Xây dựng mới giảng đường (01 tòa)			
		- Xây dựng mới 01 tòa ký túc xá (400 chỗ ở)			

		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn			
		- Khu thao trường huấn luyện		28	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
8	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	- Nâng cấp, cải tạo nhà điều hành trung tâm	262	232	NSNN
		- Xây dựng mới giảng đường (số 6)			
		- Xây dựng mới ký túc xá (1.500 chỗ ở)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ		30	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Xây dựng khu thao trường huấn luyện			
		- Cải tạo nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
9	Trường Đại học Thủy Lợi	- Cải tạo, mở rộng không gian giảng đường thành phòng học, thư viện, phòng học chuyên dùng, phòng kiểm tra bắn súng MTB03	218,04	180,3	NSNN
		- Cải tạo, sửa chữa nâng cấp khu ký túc xá			
		- Xây dựng mới và cải tạo thao trường huấn luyện			
		- Xây dựng mới, mở rộng ký túc xá (2.000 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (3.500 chỗ ngồi)			
		- Nâng cấp, mở rộng nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái		37,74	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Xây dựng mới hội trường			

10	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	- Xây dựng mới nhà điều hành	194,57	166,77	NSNN
		- Xây dựng mới hội trường			
		- Xây dựng mới nhà giảng đường			
		- Xây dựng mới ký túc xá sinh viên (500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Thao trường, bãi tập			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
11	Trường Đại học Hải Phòng	- Xây dựng mới ký túc xá (500 chỗ ở)	142,9	62,9	NSNN
		- Xây dựng mới nhà ăn (500 chỗ ngồi)			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Xây dựng thao trường kỹ thuật, chiến thuật			
		- Cải tạo, nâng cấp khu làm việc, thư viện, nhà ăn, giảng đường, cải tạo ký túc xá			
12	Trường Đại học Kinh tế - kỹ thuật Công nghiệp	- Xây dựng mới nhà điều hành (khu làm việc + giảng đường)	221,6	214,6	NSNN
		- Xây dựng mới nhà đa năng (hội trường)			
		- Xây dựng mới ký túc xá (1.000 chỗ ở)			

		- Xây dựng mới nhà ăn cho sinh viên			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Cải tạo ký túc xá		7	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Sửa chữa, nâng cấp, xây dựng thao trường			
13	Trường Đại học Lao động Xã hội	- Xây dựng mới giảng đường	165,7	145,7	NSNN
		- Cải tạo giảng đường			
		- Cải tạo nhà điều hành (phòng làm việc, phòng họp, hội trường)			
		- Xây dựng mới 01 tòa nhà ký túc xá			
		- Xây dựng mới nhà ăn			
		- Cải tạo nhà ký túc xá (8 dãy nhà)			
		- Xây dựng mới kho quân trang, quân dụng			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Xây mới, cải tạo thao trường		20	Bộ chủ quản/ Nhà trường
14	Trường Đại học Công Đoàn	- Xây dựng mới hội trường và nhà điều hành trung tâm	393,2	336	NSNN
		- Xây dựng mới giảng đường (đáp ứng 2.500/khóa)			
		- Xây dựng mới ký túc xá (1.500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (1.500 chỗ ngồi)			

		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật			
		- Hệ thống thiết bị kỹ thuật phục vụ xây dựng công trình phụ trợ		57,2	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Xây dựng thao trường kỹ thuật, chiến thuật			
III	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung		2.025,78		
1	Trường Quân sự Quân khu 4	- Xây dựng mới nhà ăn + ở 04 tầng	89,82	89,82	NSNN
		- Nâng cấp nhà chỉ huy điều hành (mở rộng thêm 03 gian, xây 02 tầng)			
		- Xây dựng mới khu giảng đường (10 phòng)			
		- Nâng cấp ký túc xá (từ 02 tầng lên 03 tầng)			
		- Nâng cấp thao trường, bãi tập			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
2	Trường Sĩ quan Thông Tin	- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi) và nhà điều hành	206	206	NSNN
		- Cải tạo, nâng cấp nhà điều hành trung tâm thành giảng đường			
		- Xây dựng mới 4 ký túc xá sinh viên (800 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn, nhà bếp (600 chỗ ngồi)			

		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn, ký túc xá			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
3	Trường Đại học Nha Trang	- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ)	159,95	140,55	NSNN
		- Xây dựng mới thao trường, bãi tập			
		- Xây dựng mới 02 ký túc xá (700 chỗ)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (1.000 chỗ ngồi)		19,4	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình phụ trợ			
4	Trường Quân sự Quân đoàn 34 (Cơ sở 1)	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm	240	240	NSNN
		- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi)			
		- Xây dựng mới giảng đường			
		- Xây dựng mới ký túc xá, nhà ăn			
		- Công trình kỹ thuật, công trình phụ trợ			
5	Trường Đại học Quy Nhơn	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm	202,45	172,45	NSNN
		- Xây dựng mới hội trường, giảng đường			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, sĩ quan biệt phái			
		- Xây dựng mới ký túc xá (1.500 chỗ ở)			

		- Xây dựng mới nhà ăn			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Xây dựng mới thao trường, bãi tập chiến thuật		30	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- San lấp mặt bằng			
6	Trường Quân sự Quân khu 5	- Xây dựng mới hội trường S3	331,26	331,26	NSNN
		- Xây dựng mới nhà giảng (H1, H2)			
		- Xây dựng mới ký túc xá (số 1, 2, 7, 8)			
		- Xây dựng mới nhà ăn, bếp S4 (2.500 chỗ ngồi)			
		- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ			
7	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng	- Xây dựng mới nhà điều hành, hội trường, giảng đường	256,2	223,7	NSNN
		- Xây dựng thao trường - bãi tập			
		- Xây dựng mới nhà ăn (1.500 chỗ ngồi)			
		- Xây dựng mới ký túc xá (1.200 chỗ ở)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ			
			32,5	Bộ chủ quản/ Nhà trường	
8	Đại học Huế	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm	141,1	127,2	NSNN
		- Xây dựng thao trường, bãi tập			

		- Xây dựng mới ký túc xá (500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Cải tạo ký túc xá (A, B, C, D)			
		- Cải tạo giảng đường (A, B, C)		13,9	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
9	Trường Đại học Vinh	- Xây dựng mới điều hành trung tâm	136,6	120,1	NSNN
		- Xây dựng mới ký túc xá (500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (500 chỗ ngồi)			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Cải tạo khu giảng đường		16,5	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Xây dựng mới thao trường huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật			
		- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ			
10	Trường Đại học Hồng Đức	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm	115,8	100,8	NSNN
		- Xây dựng mới hội trường, phòng học lý thuyết			
		- Xây dựng mới thao trường, bãi tập			
		- Xây dựng mới nhà công vụ			
		- Xây dựng mới ký túc xá số 2 (500 chỗ ở)			

		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Xây dựng và hoàn thiện nhà ăn		15	NSDP/ Nhà trường
11	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	- Cải tạo nhà điều hành trung tâm	146,6	122,3	NSNN
		- Cải tạo giảng đường (đáp ứng 10.000 sinh viên/năm)			
		- Xây dựng mới hội trường, nhà đa năng			
		- Xây dựng mới ký túc xá (500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn sinh viên			
		- Cải tạo ký túc xá sinh viên			
		- Cải tạo nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ		24,3	NSDP/ Nhà trường
IV	Vùng Tây Nguyên		306,5		
1	Trường Đại học Tây Nguyên	- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi)	136,6	120,1	NSNN
		- Xây dựng mới nhà điều hành			
		- Xây dựng mới giảng đường			
		- Xây dựng mới nhà ăn (500 chỗ ngồi)			

		- Xây dựng mới ký túc xá (500 chỗ ở)		16,5	Bộ chủ quản/ Nhà trường
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Xây dựng thao trường huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật			
2	Trường Đại học Đà Lạt	- Xây dựng mới nhà điều hành, giảng đường, hội trường	169,9	144,4	NSNN
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn			
		- Xây dựng thao trường huấn luyện			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ		25,5	Bộ chủ quản/ Nhà trường
V	Vùng Đông Nam Bộ		2.499,77		
1	Trường Quân sự Quân khu 7	- Cải tạo, nâng cấp khu giảng đường	277,4	277,4	NSNN
		- Cải tạo, nâng cấp hội trường (500 chỗ ngồi)			
		- Cải tạo, nâng cấp nhà điều hành			
		- Xây dựng mới ký túc xá sinh viên (2.200 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (2.200 chỗ ngồi)			

		- Cải tạo, nâng cấp 02 ký túc xá (1.800 chỗ ở)			
		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn (1.800 chỗ ngồi)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
2	Trường Quân sự Quân đoàn 34 (Cơ sở 2)	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm	488,79	488,79	NSNN
		- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi)			
		- Xây dựng mới giảng đường, thư viện			
		- Xây dựng mới ký túc xá			
		- Xây dựng mới nhà ăn sinh viên			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
3	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	- Xây dựng mới nhà đa năng	559,2	265	NSNN
		- Xây dựng hệ thống thao trường, bãi tập			
		- Xây dựng mới ký túc xá (B7, B8, B9; B10)			
		- Hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ		294,2	Nhà trường
		- Xây dựng không gian văn hóa Hồ Chí Minh			
		- Xây dựng hệ thống thao trường huấn luyện (bãi tập bắn súng 23,24,25, 26); xây dựng sân chào cờ			
		- Xây dựng mới ký túc xá (B6)			

		- Cải tạo, nâng cấp nhà ăn (02 nhà)			
		- Sửa chữa, cải tạo nhà công vụ			
		- Hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ (hàng rào, đường trục chính Đông Tây, đường hành quân, ...)			
		- Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin			
		- Sửa chữa, bảo trì các công trình			
4	Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	- Xây dựng mới ký túc xá sinh viên (1.500 chỗ ở)	162,9	162,9	NSNN
		- Xây dựng mới nhà ăn (1.500 chỗ ngồi)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
5	Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm, giảng đường	393	338	NSNN
		- Xây dựng mới ký túc xá (3.000 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn sinh viên			
		- Xây dựng nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Xây dựng khu thao trường, bãi tập			
		- Nâng cấp, cải tạo các công trình	55	Bộ chủ quản/ Nhà trường	

6	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	- Nâng cấp, sửa chữa ký túc xá cho sinh viên; mở rộng nhà ăn	25	25	Nhà trường
		- Nâng cấp thao trường, bãi tập			
7	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa Vũng Tàu	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm	124,88	109,88	NSNN
		- Xây dựng mới ký túc xá			
		- Xây dựng mới nhà ăn sinh viên			
		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật			
		- Công trình phụ trợ			
		- Xây dựng khu thao trường, bãi tập			
		15	NSDP/ Nhà trường		
8	Trường Đại học Thủ Dầu Một	- Xây dựng mới nhà điều hành trung tâm	468,6	404,48	NSNN
		- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi)			
		- Xây dựng mới giảng đường, thư viện			
		- Xây dựng thao trường, bãi tập			
		- Xây dựng mới ký túc xá (2.000 chỗ ở)			
		- Xây dựng nhà ăn sinh viên			
		- Xây dựng nhà công vụ cho cán bộ quản lý, giảng viên, sĩ quan biệt phái			

		- Công trình hạ tầng kỹ thuật			
		- Công trình phụ trợ và khu thể thao		64,12	NSDP/ Nhà trường
VI	Vùng đồng bằng sông Cửu Long		1.152,97		
1	Trường Quân sự Quân khu 9	- Xây dựng mới khu giảng đường, hội trường, phòng điều hành	316,97	316,97	NSNN
		- Xây dựng mới ký túc xá 1, 2 (1.500 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới khu nhà ăn (1.500 chỗ ngồi)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
2	Trường Đại học Cần Thơ	- Xây dựng mới giảng đường	277,6	247,6	NSNN
		- Xây dựng mới ký túc xá; nhà công vụ cho cán bộ, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Xây dựng mới nhà ăn 1.000 (chỗ ngồi)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ			
		- Cải tạo các công trình hiện có			
		- Xây dựng mở rộng thao trường			
		- Xây dựng bổ sung khu vực thể thao		30	Bộ chủ quản/ Nhà trường
3	Trường Đại học Trà Vinh	- Xây dựng mới nhà điều hành	363,2	326,6	NSNN
		- Xây dựng mới hội trường (500 chỗ ngồi), giảng đường			

		- Xây dựng mới nhà công vụ cho cán bộ, giảng viên, sĩ quan biệt phái			
		- Xây dựng mới ký túc xá (2.000 chỗ ở)			
		- Xây dựng mới nhà ăn (2.000 chỗ ngồi)			
		- Công trình hạ tầng kỹ thuật (san nền, sân đường, PCCC, ...)			
		- Xây dựng mới sân thể thao, thao trường - bãi tập		36,6	NSDP/ Nhà trường
		- Các công trình phụ trợ			
4	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	- Cải tạo khu điều hành	195,2	178,2	NSNN
		- Xây dựng mới khu giảng đường, hội trường			
		- Xây dựng mới ký túc xá, nhà ăn sinh viên			
		- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ		17	NSDP/ Nhà trường
		- Xây dựng khu thao trường, bãi tập			
		- Xây dựng khu thể dục thể thao			
B	ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		507,1		
	Đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập môn học GDQP&AN trong hệ thống trung tâm		507,1	507,1	NSNN